

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HS-PT
Ngày 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Võ Thị Kiều O. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Võ Thị Kiều O (tên gọi khác: M), sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: tổ G, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N1 và bà Lê Thị Y (đã chết); chồng tên Trần Thành L; có 02 người con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; ngày 14/02/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra C (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án, khởi tố bị can, sau đó truy nã đối với bị cáo Võ Thị Kiều O về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; ngày 09/7/2023, bị cáo bị bắt và tạm giam cho đến nay; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị N, sinh năm 1963; nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Thị Kiều O và bà Trần Thị N có quen biết nhau. Khoảng tháng 11/2019, bị cáo O đến nhà bà N tại khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng để kinh doanh quán cơm, không tính lãi suất vay, thời hạn vay là 01 tháng thì bà N đồng ý. Bà N yêu cầu O viết giấy vay tiền (bà N giữ) và phải có tài sản thế chấp thì O đồng ý. Lúc này, O mang một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L400651, sổ vào sổ 00103QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 20/01/1991 cho bà Nguyễn Thị M1 (là bà nội của O) thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.049m², tọa lạc tại xã (nay là phường), thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, đưa cho bà N giữ làm tin. Đến khoảng tháng 12/2019, O tiếp tục vay bà N số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng thì bà N đồng ý. Đến khoảng đầu năm 2020, O đến nhà bà N mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M1 để về giải quyết tranh chấp đất đai thì bà N yêu cầu O phải có tài sản khác thay thế. Do không có tài sản khác để thế chấp nên O nảy sinh ý định đặt làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do O đứng tên. Sau đó, O sử dụng tài khoản zalo tên “Võ Thị Kiều O” liên hệ với một người có tài khoản zalo tên “Mr. Đại” để đặt mua một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số CH522318 đối với thửa đất số 2247, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 251,7m², tọa lạc tại xã P, T (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương do O đứng tên chủ sở hữu với giá 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi mua xong, O đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này cho bà N để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M1. Bà N yêu cầu O viết lại giấy vay tiền đề ngày 14/5/2020 với nội dung O mượn tổng số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của O. Sau đó, do kinh doanh thất bại O không có khả năng trả tiền cho bà N và liên tục bị bà N đòi tiền nợ nên O đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, đến sinh sống tại xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Bà N không tìm được O nên đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất của O đến Ủy ban nhân dân xã P, thị xã (nay là thành phố) B để kiểm tra thì được thông báo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của O đứng tên chủ sở hữu là giả. Sau đó, bà N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B trình báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra C (nay là thành phố) Tân Uyên thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số CH522318 đối với thửa đất số 2247, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 251,7m² có địa chỉ tại xã P, T (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương.

- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 14/5/2020 với nội dung Võ Thị Kiều O mượn tổng số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng của bà Trần Thị N có chữ ký của bà N và O.

Tại Kết luận giám định số 239/KL-KTHS (TL) ngày 31/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CH522318, tên người sử dụng đất “Võ Thị Kiều O”, sinh năm 1991, CMND số 280967432, địa chỉ thường trú: Khu E, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đề ngày 03/12/2019 là giả.

- Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: CH522318 là giả bằng phương pháp in màu điện tử.

- Chữ ký mang tên “Phạm Xuân N2” và hình dấu tròn có nội dung “* CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu cần giám định so với mẫu chữ ký của Phạm Xuân N2 và hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký và một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 390/KL-KTHS (TL) ngày 07/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Thị Kiều O” và chữ viết nội dung trên “Hợp đồng vay tiền”, đề ngày 14/5/2020 so với chữ ký và chữ viết của Võ Thị Kiều O trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra; chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Thị N” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết họ tên của Trần Thị N trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra.

Về phần dân sự: Bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo Võ Thị Kiều O trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Bị cáo O chưa trả cho bà N.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSTU ngày 26/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Thị Kiều O về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Kiều O phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều O 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, bà Trần Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Võ Thị Kiều O phải có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa, bị cáo có đơn xin vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt bị cáo xác định đồng ý trả 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng cho bà Trần Thị N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, buộc bị cáo trả cho bà Trần Thị N 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị N được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290; điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Võ Thị Kiều O.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bà Trần Thị N thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng đầu năm 2020, bị cáo Võ Thị Kiều O đã có hành vi cung cấp thông tin cá nhân, số chứng minh nhân dân của mình nhờ một đối tượng có tài khoản zalo tên “Mr. Đ” để làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số CH522318 đối với thửa đất số 2247, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 251,7m², tọa lạc tại xã P, T (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương do bị cáo O đứng tên chủ sở hữu. Sau đó, bị cáo O đến nhà của bà Trần Thị N thuộc khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất giả cho bà N với mục đích thay thế và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L400651, số vào sổ 00103QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 20/01/1991 cho bà Nguyễn Thị M1 (là bà nội của O) mà bị cáo O đã thế chấp cho bà N trước đó vay số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Võ Thị Kiều O đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Võ Thị Kiều O theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị N: Bà Trần Thị N kháng cáo yêu cầu bị cáo phải trả 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, xét thấy: Thời điểm bị cáo O đã vay của bà Trần Thị N 400.000.000 đồng, bị cáo O có thể chấp cho bà N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L400651, số vào sổ 00103QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 20/01/1991 cho bà Nguyễn Thị M1 để làm tin. Đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo và bà Trần Thị N. Sau đó, do muốn lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để giải quyết tranh chấp đất đai và bà N yêu cầu bị cáo phải có tài sản khác thay thế nên bị cáo mới đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đưa cho bà N. Tại Kết luận giám định số 390/KL-KTHS (TL) ngày 07/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Thị Kiều O” và chữ viết nội dung trên “Hợp đồng vay tiền”, đề ngày 14/5/2020 so với chữ ký và chữ viết của Võ Thị Kiều O trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra; chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Thị N” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết họ tên của Trần Thị N trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu bị cáo O trả lại 400.000.000 đồng và bị cáo O đồng ý trả lại 400.000.000 đồng cho bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên nội dung đơn xin vắng mặt bị cáo đồng ý trả cho bà Trần Thị N 400.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về phân trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 587 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Thị Kiều O có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị N không phải chịu. Bị cáo phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (01);
- Tòa án nhân dân thành phố T (06);
- Viện kiểm sát nhân thành phố T;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố T (01);
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng khác (01);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (03);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (04), HTHT, 28.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương